

UBND THÀNH PHỐ HỘI AN
TRƯỜNG MẦM NON CẨM KIM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 183/QĐ-MGCK

Cẩm Kim, ngày 7 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo của trường Mẫu giáo Cẩm Kim

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẪU GIÁO CẨM KIM

Căn cứ vào Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2010 về chuyển đổi trường Mầm non bán công Cẩm Kim sang trường Mẫu giáo công lập Cẩm Kim

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022 Quốc hội ban hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Căn cứ Nghị định 59/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Thực hiện công khai đúng theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT về việc Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Xét đề nghị của bộ phận lãnh đạo quản lý và kế toán trường Mẫu giáo Cẩm Kim.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo của trường Mẫu giáo Cẩm Kim (theo phụ lục báo cáo đính kèm);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ văn phòng, kế toán và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, KT.



Lê Thị Kim Yến

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

Stt	Nguồn Ngân sách cấp năm 2023	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư kinh phí ngân sách năm trước chuyển sang	0	
2	Dự toán Ngân sách được giao trong năm 2023	2.058.485.000	
3	Tổng Kinh phí thực nhận năm 2023	2.058.485.000	
4	Tổng Kinh phí quyết toán năm 2023	2.058.485.000	
5	Kinh phí hủy (TC12)	0	
6	Kinh còn lại chuyển năm sau (TC14: nguồn	0	

Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

Stt	Nguồn Ngân sách chi năm 2023	Số tiền	Ghi chú
1	Chi tiền lương và thu nhập	1.791.044.087	
2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	265.045.113	
3	Chi khác	2.395.800	
	Tổng cộng chi Ngân sách năm 2023	2.058.485.000	

Các khoản thu – chi trong năm học 2023-2024:

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị tính	Mức thu	Tổng số học sinh	Tổng thu	Tổng chi	Tồn
1	Tổ chức bán trú				1.046.628.060	1.046.628.060	0
a)	Tiền ăn bán trú (Đã bao gồm phụ phí)		18.000 đồng/cháu	225	689.628.060	689.628.060	0
b)	Phục vụ bán trú		200.000 đồng/cháu	220	357.000.000	357.000.000	0
-	Chi lương và phụ cấp từ nguồn phục vụ bán trú			220		169.819.200	0
-	Chi sửa chữa, mua sắm từ nguồn phục vụ bán trú			220		187.180.800	0
2	Tổ chức bán trú mầm non thứ 7		120.00 đồng/tháng	130	140.400.000	140.400.000	0
3	Học Phí		45.000 đồng/tháng	225	92.935.000	60.601.346	32.333.654
-	Chi lương và phụ cấp theo lương					19.951.804	
-	Chi hoạt động từ nguồn học phí					40.649.542	

- Số học sinh tính tại thời điểm thấp nhất trong năm học 2023-2024.

Dự kiến các khoản thu trong năm học 2024-2025:

Học phí: không thu học phí.

(Thực hiện Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND Tỉnh Quảng Nam)

TT	Nội dung khoản thu	Lớp mẫu giáo		
		Bé	Nhỡ	Lớn
	Khoản thu theo thỏa thuận	899.480	904.160	908.840
1	Tiền ăn 26 ngày (18.000đ/ngày)	468,000	468,000	468,000
2	Tiền gạo			
	0.11kg x 26 ngày x 18.000đ	51.480		
	0.12kg x 26 ngày x 18.000đ		56.160	
	0.13kg x 26 ngày x 18.000đ			60.840
3	Tiền phục vụ bán trú (tháng)	200,000	200,000	200,000
4	Tiền ga (tháng)	30,000	30,000	30,000
5	Tiền học thêm thứ 7(tự nguyện): 03 ngày/tháng	150.000	150.000	150.000
C	Khoản thu hộ (tự nguyện)	188.000	188.000	188.000
1	Bảo hiểm tai nạn (năm)	188.000	188.000	188.000
2	Dịch vụ đào tạo 3 môn năng khiếu (tháng)	200,000	200,000	200,000
	+ Tiếng Anh	70,000	70,000	70,000
	+ Mỹ thuật	70,000	70,000	70,000
	+ Erobic	60,000	60,000	60,000

Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

- Công khai thông báo các khoản thu năm học theo quy định: đăng tải trên trang website, dán niêm yết công khai.

- Công khai thông báo các chế độ hỗ trợ và kết quả thực hiện các chế độ chính sách cho trẻ học tại trường và các nhóm lớp độc lập tại xã Cẩm Kim, công khai theo quy định: đăng tải trên trang website, dán niêm yết công khai.